

HỘI THẢO GÓP Ý HỒ SƠ ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN MẬT ONG PHONG NHA CỦA TỈNH QUẢNG BÌNH

Ngày, 6/6/2024, tại thị trấn Hoàn Lão, Trung tâm Ứng dụng và Thống kê khoa học và công nghệ Quảng Bình phối hợp với UBND huyện Bố Trạch, Cục Sở hữu trí tuệ (SHTT) tổ chức hội thảo góp ý “Hồ sơ đăng ký nhãn hiệu chứng nhận (NHCN) và hệ thống các văn bản, công cụ quản lý NHCN mật ong Phong Nha của tỉnh Quảng Bình”. Tham dự hội thảo có đại diện lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ, Cục Sở hữu trí tuệ, UBND huyện Bố Trạch, các phòng của huyện Bố Trạch; đại diện các xã, các hợp tác xã và các hộ sản xuất kinh doanh mật ong thuộc vùng Phong Nha, huyện Bố Trạch.

Dự án “Đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển NHCN cho sản phẩm mật ong Phong Nha của tỉnh Quảng Bình” được triển khai từ tháng 12/2022, do Trung tâm Ứng dụng và Thống kê KH&CN Quảng Bình chủ trì thực hiện, đến nay cơ quan chủ trì và cơ quan tư vấn đã triển khai các hạng mục, gồm: Điều tra, khảo sát, đánh giá giá hiện trạng nhằm xác định căn cứ thực tiễn và khoa học cho việc xác lập quyền cho NHCN “mật ong Phong Nha”; thiết kế hệ thống nhận diện NHCN mật ong Phong Nha; xây dựng quy chế quản lý và sử dụng NHCN mật ong Phong Nha.

Trong đó, xác định các tiêu chí cần chứng nhận của “mật ong Phong Nha” làm cơ sở cho việc xây dựng hồ sơ đăng ký bảo hộ, như: Thu thập mẫu mật ong; xây dựng báo cáo nghiên cứu vùng địa danh, lịch sử danh tiếng của sản



phẩm; xây dựng bản đồ hiện trạng vùng sản xuất sản phẩm; xây dựng bản đồ chuyên đề về khí hậu vùng sản xuất sản phẩm mang NHCN mật ong Phong Nha,...

Tại hội thảo, chủ nhiệm nhiệm vụ đã trình bày dự thảo hồ sơ đăng ký NHCN (mẫu nhãn hiệu, quy chế quản lý và sử dụng NHCN, bản đồ phạm vi bảo hộ NHCN); thuyết minh mô tả tính chất, chất lượng đặc thù của sản phẩm NHCN mật ong Phong Nha,...

Hội thảo đã tiếp nhận các ý kiến đến từ cơ quan quản lý NHCN sau này (UBND huyện Bố Trạch); Cục SHTT; các HTX, tổ chức, doanh nghiệp, các hộ cá thể sản xuất mật ong vùng Phong Nha (là những người được thụ hưởng quyền lợi)... Các ý kiến tập trung vào các nội dung, như: quy chế sử dụng NHCN; hình thức logo, nhãn sản phẩm; dụng cụ đựng sản phẩm;... Qua đó, nhằm xây dựng và hoàn thiện hồ sơ đăng ký NHCN cho mật ong Phong Nha đạt kết quả cao và được Cục SHTT chấp nhận ■

T.N

NGHIỆM THU NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ: “NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG MÔ HÌNH LÀNG VĂN HÓA DU LỊCH TẠI QUẢNG BÌNH”

Hội đồng Khoa học nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh vừa tổ chức nghiệm thu nhiệm vụ: “Nghiên cứu xây dựng mô hình làng văn hóa du lịch tại Quảng Bình”, do Sở Du lịch Quảng Bình chủ trì thực hiện. Đồng chí Nguyễn Trần Quang, TUV - Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Chủ tịch Hội đồng Khoa học nghiệm thu nhiệm vụ chủ trì hội nghị.

Mục tiêu của nhiệm vụ nghiên cứu xây dựng các tiêu chí từ đó đề xuất các giải pháp để phát triển mô hình làng văn hóa du lịch tại Quảng Bình. Cụ thể: Nghiên cứu, phân tích, đánh giá hiện trạng, tiềm năng, lợi thế về phát triển du lịch của các làng văn hóa tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Xây dựng 3 mô hình lý thuyết làng văn hóa du lịch; cụ thể hóa vị thế của các làng văn hóa du lịch trong quy hoạch phát triển du lịch và phát triển du lịch gắn với phát triển nông thôn trong quy hoạch tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Chương trình hành động số 01-CTr/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, giai đoạn 2021-2025. Nghiên cứu xây dựng các tiêu chí từ đó đề xuất các giải pháp phát triển mô hình làng văn hóa du lịch tại Quảng Bình trên nguyên tắc phát triển bền vững.

Thực hiện từ tháng 6 năm 2022 đến nay, kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ đạt được, cụ thể: Nghiên cứu, phân tích, đánh giá hiện trạng, tiềm năng, lợi thế về phát triển du lịch của các làng văn hóa tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Xây dựng 3 mô hình lý thuyết làng văn hóa du lịch; Cụ thể hóa vị thế của các làng văn hóa du lịch trong quy hoạch phát triển du lịch và phát triển du lịch gắn với phát triển nông thôn; Đề xuất các giải pháp xây dựng và phát triển mô



hình làng văn hóa du lịch tại Quảng Bình trên nguyên tắc phát triển bền vững. Bên cạnh đó, qua kết quả nghiên cứu, nhóm nghiên cứu đã đề xuất bộ tiêu chí và nhóm giải pháp thực hiện, từ đó xây dựng các mô hình làng văn hóa du lịch trên địa bàn tỉnh phù hợp với tiềm năng, lợi thế và xu thế phát triển.

Tại hội nghị nghiệm thu, các thành viên Hội đồng Khoa học đánh giá cao kết quả đạt được của nhiệm vụ, nhận định nhiệm vụ có giá trị khoa học cả về lý luận và thực tiễn. Bên cạnh những kết quả đạt được, Hội đồng Khoa học cũng đã đưa ra một số góp ý để nhóm nghiên cứu tiếp tục hoàn thiện nhiệm vụ hơn.

Kết luận hội nghị, chủ trì hội nghị đã khẳng định kết quả nghiên cứu sẽ đóng góp những tư liệu nhằm đánh giá đúng tiềm năng, lợi thế về phát triển du lịch của các làng văn hóa tiêu biểu trên địa bàn tỉnh. Cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng các quy hoạch, kế hoạch, đề án, chương trình nhằm xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở; đồng thời, kết quả nghiên cứu còn cung cấp cơ sở khoa học để góp phần vào việc hoạch định chiến lược phát triển du lịch của tỉnh trên lĩnh vực du lịch văn hóa, du lịch cộng đồng...■

T.N

NGHIỆM THU NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ: “NGHIÊN CỨU, XÂY DỰNG BỘ CÔNG CỤ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ AN NINH MẠNG, AN TOÀN THÔNG TIN VÀ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC CHO LỰC LƯỢNG CHUYÊN TRÁCH BẢO ĐẢM AN NINH MẠNG VÀ BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH”

Vừa qua, tại Sở Khoa học và Công nghệ, Hội đồng Khoa học nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh tổ chức nghiệm thu nhiệm vụ: “Nghiên cứu, xây dựng bộ công cụ kiểm tra, đánh giá an ninh mạng, an toàn thông tin và bí mật nhà nước cho lực lượng chuyên trách bảo đảm an ninh mạng và bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình”, do Công an tỉnh Quảng Bình chủ trì thực hiện. Đồng chí Phan Thanh Nghiệm, Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Chủ tịch Hội đồng Khoa học nghiệm thu nhiệm vụ chủ trì hội nghị.

Mục tiêu của nhiệm vụ nghiên cứu, xây dựng bộ công cụ phần mềm phục vụ công tác kiểm tra, đánh giá an ninh mạng, an toàn thông tin và bí mật nhà nước (BMNN) cho lực lượng chuyên trách bảo đảm an ninh mạng và bảo vệ BMNN trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Nhiệm vụ được thực hiện từ tháng 6 năm 2022 đến nay, kết quả nghiên cứu đạt được, cụ thể: Khảo sát tình hình bảo vệ an ninh mạng, bảo vệ BMNN tại các cơ quan, ban ngành trên địa bàn tỉnh; Nghiên cứu, tổng kết quy trình kiểm tra, đánh giá an ninh mạng, an toàn thông tin và BMNN kết hợp nghiên cứu các phần mềm, công cụ kiểm tra hiện có, nhóm thực hiện nhiệm vụ đã xây dựng, hoàn thiện bộ công cụ kiểm tra, đánh giá an ninh mạng, an toàn thông tin và BMNN cho lực lượng chuyên trách bảo đảm an ninh mạng và bảo vệ BMNN trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, gồm các module chức năng như tìm kiếm, thu thập, phân tích và xuất báo cáo các thông tin cơ bản của hệ điều hành Windows và phần cứng trên máy tính được kiểm tra; tìm kiếm, thu thập, phân tích và xuất báo cáo các thông tin lịch sử kết nối với các thiết bị ngoại vi (USB, thẻ nhớ, ổ cứng di động) của máy tính được kiểm tra; tìm kiếm, thu thập, phân tích và xuất báo cáo các thông tin về lịch sử kết nối Internet, truy cập



website của máy tính được kiểm tra. Các chức năng của bộ công cụ đảm bảo tính an toàn, khách quan và chính xác, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm tra bảo vệ BMNN, bảo vệ an ninh mạng của lực lượng Công an tỉnh Quảng Bình.

Tại buổi nghiệm thu, các thành viên Hội đồng Khoa học đánh giá cao kết quả đạt được của nhiệm vụ, nhận định nhiệm vụ có giá trị khoa học cả về lý luận và thực tiễn. Bên cạnh những kết quả đạt được, Hội đồng Khoa học nghiệm thu nhiệm vụ cũng đã đưa ra một số góp ý để nhóm nghiên cứu hoàn thiện nhiệm vụ hơn.

Kết luận hội nghị, chủ trì hội nghị khẳng định kết quả của nhiệm vụ nghiên cứu sẽ góp phần khảo sát, đánh giá tổng quan về công tác đảm bảo an toàn, an ninh mạng và bảo vệ BMNN trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Xây dựng hoàn thiện bộ công cụ kiểm tra, đánh giá an ninh mạng, an toàn thông tin và BMNN cho lực lượng chuyên trách. Các chức năng của bộ công cụ đảm bảo tính an toàn, khách quan và chính xác, góp phần nâng cao ý thức tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn, an ninh mạng và bảo vệ BMNN của các cán bộ, công nhân viên tại các sở, ban, ngành và địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. ■

T.N

TIÊU CHUẨN ISO 56000 - GIẢI PHÁP HƯỚNG DẪN DOANH NGHIỆP TIẾP CẬN ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Bộ tiêu chuẩn ISO 56000 như một giải pháp hướng dẫn doanh nghiệp tiếp cận việc đổi mới sáng tạo có hệ thống nhằm tích hợp đổi mới sáng tạo vào tất cả các tầng của tổ chức. Bộ tiêu chuẩn được phát triển bởi các chuyên gia đổi mới sáng tạo từ khắp nơi trên thế giới, giúp doanh nghiệp dễ dàng nắm bắt và tạo cơ hội cho việc phát triển các giải pháp, hệ thống, sản phẩm và dịch vụ mới.

Bộ tiêu chuẩn này có thể được áp dụng cho tất cả tổ chức, bất kể loại hình, khu vực, mức độ trưởng thành hoặc quy mô. Bộ tiêu chuẩn đặc biệt hữu ích đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ, những doanh nghiệp này thường thiếu bí quyết công nghệ, phương pháp quản trị và nguồn lực để thực hiện hoạt động đổi mới.

ISO 56000 tập hợp quy trình vận hành tiêu chuẩn được thiết kế cung cấp khuôn khổ chung để thực hiện thành công, duy trì và cải tiến liên tục hệ thống quản lý đổi mới. Bộ tiêu chuẩn đưa ra hướng dẫn chung đối với tất cả các loại hình đổi mới, như đổi mới sản phẩm, dịch vụ, quá trình, mô hình kinh doanh và phương pháp từ cải tiến nhỏ đến đổi mới triệt để, cũng như tất cả các phương pháp tiếp cận như đổi mới nội bộ và đổi mới mở cho người dùng, thị trường, công nghệ và các hoạt động đổi mới dựa trên thiết kế. ISO 56000 cho phép kết hợp với các hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO khác nhau, như ISO 9000 về hệ thống quản lý chất lượng hay ISO 14000 về hệ thống quản lý môi trường,...

Bộ tiêu chuẩn ISO 56000 được ban hành từ năm 2019 với 10 tiêu chuẩn thành phần. Trong đó bao gồm cả các tiêu chuẩn đã được ban hành và tiêu chuẩn tới nay vẫn đang trong quá trình



xây dựng. Cụ thể như sau:

ISO 56000:2020: Quản lý đổi mới - Các nguyên tắc cơ bản và từ vựng.

ISO/AWI 56001: Quản lý đổi mới - Hệ thống quản lý đổi mới - Yêu cầu (đang xây dựng).

ISO 56002:2019: Quản lý đổi mới - Hệ thống quản lý đổi mới - Hướng dẫn.

ISO 56003:2019: Quản lý đổi mới - Các công cụ và phương pháp để hợp tác đổi mới - Hướng dẫn.

ISO/TR 56004:2019: Đánh giá Quản lý Đổi mới - Hướng dẫn.

ISO 56005:2020: Quản lý đổi mới - Các công cụ và phương pháp quản lý tài sản trí tuệ - Hướng dẫn.

ISO/DIS 56006: Quản lý đổi mới - Các công cụ và phương pháp để quản lý trí tuệ chiến lược - Hướng dẫn (đang xây dựng).

ISO/ AWI 56007: Quản lý đổi mới - Các công cụ và phương pháp để quản lý ý tưởng - Hướng dẫn (đang xây dựng).

ISO/ AWI 56008: Quản lý đổi mới - Các công cụ và phương pháp đo lường hoạt động đổi mới - Hướng dẫn (đang xây dựng).

ISO/WD TS 56010: Quản lý đổi mới - Các ví dụ minh họa về ISO 56000 (đang xây dựng) ■

Theo Vietq.vn

10 THÔNG TIN CƠ BẢN KHI ÁP DỤNG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC SẢN PHẨM HÀNG HÓA

Từ ngày 1 tháng 6 năm 2024, người tiêu dùng tại Việt Nam có thể truy xuất nguồn gốc sản phẩm và hàng hóa một cách chi tiết và minh bạch. Do đó người tiêu dùng cần nắm những thông tin cơ bản về truy xuất để bảo vệ quyền lợi của mình.

Quy định này được nêu rõ tại Thông tư số 02/2024/TT-BKHCN ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ về quản lý truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa. Dưới đây là 10 thông tin cơ bản khi thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa theo quy định mới:

Thứ nhất, tên sản phẩm, hàng hóa: Thông tin cơ bản về tên gọi của sản phẩm hoặc hàng hóa, giúp người tiêu dùng nhận diện rõ ràng.

Thứ hai, hình ảnh sản phẩm, hàng hóa: Cung cấp hình ảnh thực tế của sản phẩm, hàng hóa để người tiêu dùng có thể nhận diện dễ dàng.

Thứ ba, tên đơn vị sản xuất, kinh doanh: Thông tin về tên của đơn vị chịu trách nhiệm sản xuất hoặc kinh doanh sản phẩm, hàng hóa.

Thứ tư, địa chỉ đơn vị sản xuất, kinh doanh: Địa chỉ cụ thể của nhà sản xuất hoặc đơn vị kinh doanh, giúp người tiêu dùng biết được nguồn gốc địa lý của sản phẩm.

Thứ năm, các công đoạn trong sản xuất, kinh doanh: Mô tả các bước cụ thể trong quá trình sản xuất và kinh doanh, bao gồm mã truy vết sản phẩm; Mã truy vết địa điểm; Thời gian sự kiện truy xuất nguồn gốc của từng công đoạn.

Thứ sáu, thời gian sản xuất, kinh doanh: Thông tin về thời gian cụ thể mà các sự kiện truy xuất nguồn gốc diễn ra, từ sản xuất đến khi sản phẩm được đưa ra thị trường.

Thứ bảy, mã truy xuất nguồn gốc sản

phẩm, hàng hóa: Mã duy nhất dùng để truy xuất nguồn gốc của sản phẩm hoặc hàng hóa, giúp dễ dàng tra cứu thông tin liên quan.

Thứ tám, thương hiệu, nhãn hiệu, mã ký hiệu, số sê-ri sản phẩm (nếu có): Các thông tin nhận diện đặc biệt như thương hiệu, nhãn hiệu, mã ký hiệu và số sê-ri của sản phẩm (nếu có), tăng cường độ tin cậy và khả năng phân biệt sản phẩm.

Thứ chín, thời hạn sử dụng của sản phẩm, hàng hóa (nếu có): Thông tin về hạn sử dụng của sản phẩm, giúp người tiêu dùng biết được thời gian an toàn để sử dụng.

Thứ mười, các tiêu chuẩn áp dụng: Các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn cơ sở được áp dụng cho sản phẩm, hàng hóa, đảm bảo sản phẩm tuân thủ các quy định về chất lượng và an toàn.

Thông tư số 02/2024/TT-BKHCN cũng quy định rõ về trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân trong việc thực hiện và quản lý truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa. Điều này bao gồm việc quản lý sử dụng mã truy vết sản phẩm, mã truy vết địa điểm, vật mang dữ liệu, cũng như trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ và giải pháp liên quan đến truy xuất nguồn gốc.

Đối tượng áp dụng của Thông tư này bao gồm các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân liên quan. Việc triển khai hiệu quả hệ thống truy xuất nguồn gốc sẽ góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng, minh bạch và sự tin cậy của sản phẩm, hàng hóa trên thị trường ■

Theo Vietq.vn